

Đắk Nông, ngày 29 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO
Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023
Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng
Mã chương: 505

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 của Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng và biên bản thẩm định quyết toán ngày 21/3/2023 giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp và Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng;

Ban Quản lý các khu công nghiệp thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023 của Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng như sau:

I. Phần số liệu

1. Số liệu quyết toán

- a) Thu tiền cho thuê sử dụng hạ tầng: 7.190.769.075 đồng
- b) Thu tiền xử lý nước thải: 225.247.867 đồng
- Tổng số thu trong năm: 7.416.016.942 đồng.
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 7.416.016.942 đồng.
- Số được khấu trừ, để lại: 0 đồng.

(Số liệu chi tiết theo mẫu biểu 2a kèm theo)

c) Quyết toán chi ngân sách:

- Số năm trước chuyển sang: 164.792.935 đồng;
- Dự toán được giao đầu năm: 2.359.000.000 đồng;
- Dự toán bổ sung CCTL trong năm: 60.700.000 đồng
- Kinh phí được sử dụng trong năm: 2.584.492.935 đồng;

- Kinh phí quyết toán: 2.446.949.679 đồng;
- Kinh phí huỷ: 10.633.000 đồng.
- Số dư kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 126.910.256 đồng.

d) Quyết toán chi nguồn hoạt động khác được để lại:

- Số năm trước chuyển sang: 19.556.000 đồng;
- Dự toán được giao trong năm: 0 đồng;
- Số thu được trong năm: 0 đồng.
- Kinh phí được sử dụng trong năm: 19.556.000 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 19.556.000 đồng;
- Kinh giảm trong năm: 0 đồng.
- Số dư kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

(Số liệu chi tiết tại biểu 1c kèm theo)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN (Giảm dự toán năm sau): 0 đồng;
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng;
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

- Tổng quyết toán ngân sách năm 2023 của đơn vị là 2.466.505.679 đồng, đạt 99,6% dự toán được sử dụng trong năm, kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chi trong năm không thực hiện hết dẫn đến huỷ dự toán.

II. Số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Số năm trước chuyển sang: -711.556.038 đồng;
- Số thu được trong năm: 357.299.136 đồng;
- Số chi trong năm: 747.132.487 đồng;
- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: -389.833.351 đồng;

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi chuyển năm sau năm: -1.101.389.389 đồng;
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng;
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng.

III. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét:

a) Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán:

Công ty nộp báo cáo quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính năm 2023 đảm bảo thời gian quy định theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/11/2017.

b) Về các mẫu biểu quyết toán:

Công ty đã thực hiện lập báo cáo quyết toán đầy đủ biểu mẫu theo quy định.

c) Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

- Công ty thực hiện lập, phân bổ dự toán theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

- Công ty thực hiện kiểm kê tài sản cố định theo quy định.

d) Về chế độ chi tiêu, qua rà soát và đối chiếu một số nội dung chi, Ban Quản lý các khu công nghiệp nhận thấy:

- Số tiền cho thuê sử dụng hạ tầng và xử lý nước thải đến ngày 31/12/2023 còn lại chưa nộp ngân sách nhà nước là: 166.527.928 đồng.

- Đối với các gói thầu thuộc dịch vụ phi tư vấn Ban Quản lý các khu công nghiệp chỉ kiểm tra hồ sơ về trình tự thủ tục thực hiện (không kiểm tra thực tế khối lượng thực hiện tại hiện trường). Qua kiểm tra hồ sơ về trình tự thủ tục thực hiện cho thấy: Công ty PHTT KCN Tâm Thắng căn cứ thực hiện theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

2. Kiến nghị:

a) Trên cơ sở các nhận xét nêu trên, đề nghị Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng thực hiện một số nội dung sau:

- Số tiền cho thuê sử dụng hạ tầng đến ngày 31/12/2023 còn lại chưa nộp vào ngân sách nhà nước là: 166.527.928 đồng. Đề nghị Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng nộp toàn bộ số tiền trên vào ngân sách nhà nước.

b) Công ty chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán đã cung cấp phục vụ công tác thẩm định quyết toán.

Với nội dung trên, Ban quản lý các khu công nghiệp thông báo đề Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng nghiên cứu, triển khai thực hiện.

Nơi nhận: 

- Công ty PTHT KCN Tâm Thắng;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, VP. (H)

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**


Trần Mạnh Hùng

SỐ LIỆU THẨM ĐỊNH THU PHÍ, LỆ PHÍ NĂM 2023

ĐƠN VỊ: CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP TÂM THẮNG

(Kèm theo Thông báo số 2/TB/BQLKCN-VP ngày 29/3/2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

Chỉ tiêu	Nội dung	Số dự toán	Số thực hiện	So sánh TH/DT (%)
1	Thu tiền cho thuê kết cấu hạ tầng, thu tiền xử lý nước thải			
-	Tổng số thu		7.416.016.942	
-	Tổng số nộp NSNN		7.416.016.942	
-	Số được khấu trừ hoặc để lại		0	

Hàm E

SỐ LIỆU THẨM ĐỊNH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

ĐƠN VỊ: CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP TÂM THẮNG

(Kèm theo thông báo thẩm định quyết toán số 217/TB-BQLKCN ngày 17 tháng 3/2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070		LOẠI 280		LOẠI 250	
				TỔNG SỐ	KHOẢN 085	TỔNG SỐ	KHOẢN 338	TỔNG SỐ	KHOẢN 278
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1	164.792.935			164.792.935	164.792.935		
11	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2	164.792.935			164.792.935	164.792.935		
	- Kinh phí đã nhận	3							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc (nguồn cải cách tiền lương)	4	164.792.935			164.792.935	164.792.935		
12	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5							
	- Kinh phí đã nhận	6							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7							
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	2.419.700.000	4.000.000	4.000.000	1.962.700.000	1.962.700.000	453.000.000	453.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	2.419.700.000	4.000.000	4.000.000	1.962.700.000	1.962.700.000	453.000.000	453.000.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	11	2.584.492.935	4.000.000	4.000.000	2.127.492.935	2.127.492.935	453.000.000	453.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12	164.792.935			164.792.935	164.792.935		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	2.419.700.000	4.000.000	4.000.000	1.962.700.000	1.962.700.000	453.000.000	453.000.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	2.446.949.679	4.000.000	4.000.000	1.989.949.679	1.989.949.679	453.000.000	453.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15	37.882.679			37.882.679	37.882.679		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	2.409.067.000	4.000.000	4.000.000	1.952.067.000	1.952.067.000	453.000.000	453.000.000
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	2.446.949.679	4.000.000	4.000.000	1.989.949.679	1.989.949.679	453.000.000	453.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18	37.882.679			37.882.679	37.882.679		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	2.409.067.000	4.000.000	4.000.000	1.952.067.000	1.952.067.000	453.000.000	453.000.000
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20	10.633.000			10.633.000	10.633.000		
61	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)	21							
	- Đã nộp NSNN	22							

Hanh

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 280		LOẠI 250			
				TỔNG SỐ	KHOẢN 085	TỔNG SỐ	KHOẢN 338	TỔNG SỐ	KHOẢN 278
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23							
	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)	24							
62	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i> (25=26+27+28)	25	10.633.000			10.633.000	10.633.000		
	- Đã nộp NSNN	26							
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27							
	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	28	10.633.000			10.633.000	10.633.000		
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	126.910.256			126.910.256	126.910.256		
71	<i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i> (30=31+32)	30							
	- Kinh phí đã nhận	31							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	126.910.256			126.910.256	126.910.256		
72	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i> (33=34+35)	33							
	- Kinh phí đã nhận	34							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35							
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	36							
2	Dự toán được giao trong năm	37							
3	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)	38							
	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng	39							
	- Số đã ghi thu, ghi chi	40							
4	Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)	41							
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	42							
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)	43							
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)	44							
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	45							
	- Số dư dự toán	46							
2	Dự toán được giao trong năm	47							
3	Tổng số được sử dụng trong năm (48= 44+47)	48							
4	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49= 50+51)	49							
	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN	50							
	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN	51							

Handwritten signature

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070		LOẠI 280		LOẠI 250	
				TỔNG SỐ	KHOẢN 085	TỔNG SỐ	KHOẢN 338	TỔNG SỐ	KHOẢN 278
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
5	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán	52							
6	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)	53							
	- Đã nộp NSNN	54							
	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)	55							
	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)	56							
7	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)	57							
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	58							
	- Số dư dự toán	59							
8	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN	60							
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI								
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)	61							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	62							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	63							
2	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)	64							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	65							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	66							
3	Số thu được trong năm (67=68+69)	67							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	68							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	69							
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)	70							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)	71							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)	72							
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)	73							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	74							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	75							
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)	76							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)	77							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)	78							
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỀ LẠI								

Handwritten signature

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070		LOẠI 280		LOẠI 250	
				TỔNG SỐ	KHOẢN 085	TỔNG SỐ	KHOẢN 338	TỔNG SỐ	KHOẢN 278
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)	79	19.556.000			19.556.000	19.556.000		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	80	19.556.000			19.556.000	19.556.000		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	81							
2	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)	82							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	83							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	84							
3	Số thu được trong năm (85=86+87)	85	0			0	0		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	86							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	87							
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)	88	19.556.000			19.556.000	19.556.000		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)	89	19.556.000			19.556.000	19.556.000		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)	90	0			0	0		
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)	91	19.556.000			19.556.000	19.556.000		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	92	19.556.000			19.556.000	19.556.000		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	93	0			0	0		
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)	94							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)	95							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)	96							

Handwritten signature